TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày 01-02-2024
"V/v Ly hôn giữa chị M và anh H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Lam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Trần Thị M**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp Đ1, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Huỳnh Văn H**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp Đ1, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Trần Thị M trình bày như sau:

Chị Trần Thị M (gọi tắt là chị M) và anh Huỳnh Văn H (gọi tắt là anh H) chung sống với nhau vào năm 2016 hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám

cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 14/7/2017 theo quy định.

Trong qua trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hoà hợp, không chung quan điểm thường xuyên xảy ra cự vãi bất đồng và anh H có hành vi bạo lực gia đình đánh chửi vợ nhiều lần. Chị M đã góp ý khuyên nhủ chồng nhưng anh H không có sự thay đổi nên chị M đã sống ly thân với anh H khoảng 3 năm nay. Đến nay mỗi người đã tạo dựng cuộc sống riêng không còn quan tâm tới đời sống của nhau và hôn nhân không thể tiếp diễn nên chị M yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị M xác định vợ chồng có một người con chung tên Huỳnh Nhã H1, sinh ngày 12/4/2017 hiện con chung đang sống với chị M. Khi ly hôn chị M xin được quyền nuôi dưỡng cháu Huỳnh Nhã H1 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Huỳnh Văn H vắng mặt không có yêu cầu phản tố và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị M.

Chứng cứ đã thu thập: Nguyên đơn cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy chứng minh dân và sổ hộ khẩu (Bản công chứng); giấy khai sinh của cháu Huỳnh Nhã H1; Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn anh Huỳnh Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tai phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị M được ly hôn với anh H; về con chung giao cháu Huỳnh Nhã H1 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung

nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa anh Huỳnh Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt anh Huỳnh Văn H.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Chị M yêu cầu ly hôn với anh Hiếu và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

Chị M và anh H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân của chị M và anh H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hoà hợp, không cùng chung quan điểm sống và anh H có tính bạo lực gia đình. Bản thân chị M đã tìm cách góp ý, khuyên nhủ chồng để tìm cách khắc phục mâu thuẫn trong hôn nhân không không có kết quả. Chị M và anh H đã sống ly thân với nhau khoảng 03 năm, trong thời gian ly thân mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện và hiện nay mỗi người đều tạo dựng cuộc sống riêng không còn quan tâm tới nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia

đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị M giải quyết cho chị M và anh H ly hôn**.**

Về con chung: Chị M và anh H có một người con chung cháu Huỳnh Nhã H1, sinh ngày 12/4/2017, từ khi anh chị ly thân con chung sống với chị M có cuộc sống ổn định hiện tại chị M có việc làm và thu nhập bảo đảm việc nuôi dưỡng con chung, do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Huỳnh Nhã H1 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng sau khi anh chị ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị M là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Huỳnh Văn H.

2. Về con chung:

Giao cháu Huỳnh Nhã H1, sinh ngày 12/4/2017 cho chị Trần Thị M tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị Trần Thị M và anh Huỳnh Văn H ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị Trần Thị M không yêu cầu anh Huỳnh Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị M có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008890 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Trần Thị M đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 01/02/2024, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Thái ;
- Lưu, HS, VP.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm